

Số: 30 /2021/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 61/TTr-SCT ngày 10 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *h*

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Thái Bình;
- Công báo Thái Bình;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTXDGT, TH. *h*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Thận
Nguyễn Khắc Thận



QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2021/QĐ-UBND ngày 28 /12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
2. Các nội dung về công tác quản lý nhà nước có liên quan đến cụm công nghiệp chưa quy định trong Quy chế này, được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh có liên quan đến hoạt động quản lý cụm công nghiệp.
2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
3. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (sau đây gọi là nhà đầu tư hạ tầng).
4. Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp (sau đây gọi là nhà đầu tư thứ cấp).
5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan tới quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức phối hợp trong quản lý cụm công nghiệp

1. Nguyên tắc:

a) Sở Công Thương là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 43, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ.

b) Thực hiện cơ chế quản lý một đầu mối, tránh chồng chéo, gây phiền hà cho doanh nghiệp.

c) Nhà đầu tư hạ tầng và nhà đầu tư thứ cấp phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời tuân thủ thực hiện nguyên tắc quản lý nhà nước trong cụm công nghiệp theo Quy chế này.

2. Phương thức phối hợp:

a) Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, đơn vị liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao tiếp nhận, hướng dẫn; chủ trì hoặc phối hợp với Sở Công Thương giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các dự án đầu

tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định tại Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Bình và gửi 01 bản kết quả về Sở Công Thương để tổng hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước.

b) Đối với các hồ sơ thuộc diện thẩm định hoặc những nội dung liên quan đến nhiều sở, ngành, địa phương: Cơ quan chủ trì tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp bằng văn bản; cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời gian quy định. Sau thời gian quy định cơ quan được lấy ý kiến không gửi văn bản trả lời tới cơ quan chủ trì thì được coi là đồng ý với nội dung được hỏi ý kiến.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương:

a) Xây dựng, trình và tổ chức thực hiện Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; quy định, quy chế, các chính sách, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật, dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành thường xuyên Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

b) Thẩm định các đề án xúc tiến, thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp để đưa vào Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Sở Tài chính:

a) Xác định số tiền được trừ vào tiền thuê đất phải nộp trong trường hợp:

- Đối với trường hợp thuộc đối tượng thuê đất không thông qua hình thức đấu giá và người được nhà nước cho thuê đất tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Quỹ phát triển đất ứng vốn cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để cho thuê đất, người được Nhà nước cho thuê đất phải hoàn trả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt vào ngân sách nhà nước và thuộc trường hợp được miễn, giảm một phần tiền thuê đất theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

b) Thực hiện thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp sử dụng nguồn vốn nhà nước do tỉnh quyết định đầu tư.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường đối với các nhà đầu tư hạ tầng và nhà đầu tư thứ cấp triển khai dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao, gồm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực giấy phép, thu hồi, chấm dứt hiệu lực, cấp lại giấy phép khai thác tài nguyên nước và xả thải vào nguồn nước (trừ xả nước thải vào công trình thủy lợi do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cấp theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi).

b) Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, kiểm tra xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành, cấp giấy phép môi trường, cấp sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo thẩm quyền.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật đất đai, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định hiện hành đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn.

b) Đầu tư hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào cụm công nghiệp; phê duyệt, thực hiện kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vào trong các cụm công nghiệp trên địa bàn.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết các tranh chấp lao động, đình công, lãn công trong các cụm công nghiệp trên địa bàn.

6. Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 5. Xây dựng tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự xây dựng, tích hợp Phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh theo quy định tại Điều 27, Luật Quy hoạch năm 2017 và Khoản 3, Khoản 4, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 66/2020/NĐ-CP).

2. Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương

a) Tổ chức lập đề cương, dự toán chi phí lập Phương án phát triển cụm công nghiệp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, hoàn thành Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến của Bộ Công Thương về sự phù hợp, đáp ứng nội dung, quy định đối với Phương án phát triển cụm công nghiệp theo quy định về quy hoạch tỉnh.

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan tích hợp Phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh theo quy định.

đ) Chủ trì tổ chức thực hiện Phương án phát triển cụm công nghiệp sau khi được tích hợp vào quy hoạch tỉnh.

3. Cơ quan phối hợp:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan phối hợp tham gia đóng góp ý kiến hoàn thiện dự thảo Phương án phát triển cụm công nghiệp.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư xử lý, tích hợp Phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh theo quy định.

Điều 6. Điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự đề xuất xây dựng, tích hợp điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định của Điều 54, Luật Quy hoạch năm 2017 và Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Cơ quan chủ trì:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề xuất điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn gửi Sở Công Thương.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan hoàn thành báo cáo điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh và có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp.

c) Đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các nội dung khác về cụm công nghiệp không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, tăng diện tích sử dụng đất của Phương án phát triển cụm công nghiệp trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các cụm công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Sở Công Thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất để thực hiện và cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh những nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt Quy hoạch tỉnh.

3. Cơ quan phối hợp:

a) Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tích hợp điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với điều chỉnh quy hoạch tỉnh (trong đó có điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp luật quy hoạch để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện, hồ sơ đề nghị, trình tự, nội dung thẩm định, nội dung quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại các Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 68/2017/NĐ-CP) và Khoản 8, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Cơ quan chủ trì:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ trì, phối hợp với nhà đầu tư hạ tầng lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đảm bảo các điều kiện và nội dung theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Khoản 8, Điều 1, Nghị định 66/2020/NĐ-CP gửi Sở Công Thương để thẩm định.

b) Sở Công Thương:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức họp Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư bằng phương pháp chấm điểm (Tiêu chí chấm điểm, mức điểm đạt được tương ứng được thực hiện theo Khoản 9, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP; Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP).

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông Vận tải và các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo các nội dung quy định tại Điều 13, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (trong đó có nội dung giao doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp).

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến thống nhất của Bộ Công Thương đối với trường hợp cụm công nghiệp thành lập, mở rộng có điều chỉnh diện tích lớn hơn 05 ha so với quy hoạch đã được thỏa thuận trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Cơ quan phối hợp:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Đánh giá tư cách pháp lý; đánh giá khả năng cân đối và các giải pháp huy động vốn đầu tư để hoàn thành hạ tầng kỹ thuật (đối với nguồn vốn đầu tư công) và các nội dung khác có liên quan.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá và có ý kiến các nội dung liên quan đến hiện trạng sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có).

- Cho ý kiến về việc thực hiện thủ tục bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp và các nội dung khác liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Sở Xây dựng:

- Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp với quy hoạch vùng huyện, quy hoạch nông thôn mới.

- Cho ý kiến về các nội dung khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng.

d) Sở Tài chính: Đánh giá năng lực tài chính và khả năng huy động nguồn vốn của nhà đầu tư hạ tầng để triển khai thực hiện dự án; phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các chính sách, chế độ hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

đ) Sở Giao thông Vận tải: Đánh giá mức độ ảnh hưởng việc triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp đến phương án phát triển mạng lưới giao thông, hiện trạng hạ tầng giao thông, khả năng đáp ứng giao thông khi dự án đi vào hoạt động (đầu nối, an toàn giao thông và các nội dung liên quan).

e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tham gia sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy hoạch chuyên ngành.

g) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch quốc phòng tại địa điểm thực hiện dự án.

h) Cục Thuế tỉnh: Hướng dẫn các chính sách ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có).

Điều 8. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định về quy hoạch chi tiết khu chức năng tại Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nhà đầu tư hạ tầng có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp phù hợp với báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Cơ quan chủ trì:

a) Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng các cụm công nghiệp thuộc phạm vi địa giới hành chính hai huyện trở lên.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng các cụm công nghiệp trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

3. Cơ quan phối hợp:

a) Sở Công Thương: Tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất quy hoạch cụm công nghiệp, sự phù hợp với Phương án phát triển cụm công nghiệp, sự phù hợp với báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham gia ý kiến về cơ cấu sử dụng đất đai đối với các phân khu chức năng.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Đánh giá những đề xuất giải pháp về nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư.

d) Sở Giao thông Vận tải: Tham gia ý kiến về công trình giao thông trong cụm công nghiệp, khả năng kết nối công trình giao thông ngoài cụm công nghiệp.

đ) Các sở, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Chấp thuận chủ trương đầu tư; cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

a) Nội dung, trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế và các văn bản pháp lý có liên quan.

b) Cơ quan chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định hồ sơ, trình chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp ngoài Khu kinh tế Thái Bình; Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh chủ trì thẩm định hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp thuộc Khu kinh tế Thái Bình.

c) Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm thẩm định về hồ sơ dự án theo đề nghị của cơ quan chủ trì.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

a) Nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

b) Cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành thẩm định toàn bộ nội dung dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

c) Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan cho ý kiến thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, nhà đầu tư hạ tầng tiến hành đồng thời lập báo cáo tác động môi trường của dự án. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát nhà đầu tư hạ tầng về xây dựng, thực hiện các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường cụm công nghiệp, kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường.

3. Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 11. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Hồ sơ, trình tự thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

2. Cơ quan chủ trì:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ trì, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn hỗ trợ thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho nhà đầu tư hạ tầng hoặc thuê trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho nhà đầu tư thứ cấp.

3. Cơ quan phối hợp: Các sở ngành và các đơn vị có liên quan phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 12. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, cơ sở sản xuất có nhu cầu di dời vào cụm công nghiệp liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với cụm công nghiệp do huyện quản lý) hoặc nhà đầu tư hạ tầng để được hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp và thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

2. Thủ tục đầu tư đối với dự án của nhà đầu tư vào cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật liên quan.

2.1. Trường hợp dự án thuộc diện phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

a) Nội dung, trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Cơ quan chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định hồ sơ, trình chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp ngoài Khu kinh tế Thái Bình; Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp chủ trì thẩm định hồ sơ, chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp thuộc Khu kinh tế Thái Bình.

c) Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm tham gia ý kiến thẩm định về dự án theo đề nghị của cơ quan chủ trì.

2.2. Trường hợp dự án không thuộc diện phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

a) Nhà đầu tư hạ tầng có văn bản kèm theo hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư thứ cấp xin ý kiến Sở Công Thương về nội dung dự án.

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, tùy theo quy mô, tính chất dự án; Sở Công Thương cho ý kiến hoặc xin ý kiến các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện về nội dung dự án.

c) Trường hợp Sở Công Thương có văn bản không nhất trí về sự phù hợp của dự án, nhưng nhà đầu tư hạ tầng vẫn tiếp nhận dự án thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp nhận và hoạt động dự án.

3. Đánh giá tác động môi trường:

a) Nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường; thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Cơ quan chủ trì:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến đánh giá sơ bộ tác động môi trường; thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận đăng ký môi trường theo quy định.

c) Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan có ý kiến khi có đề nghị của cơ quan chủ trì đối với các nội dung dự án liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương.

4. Chấp thuận phương án phòng cháy và chữa cháy:

a) Nội dung, trình tự thực hiện theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

b) Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

c) Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan có ý kiến khi có đề nghị của cơ quan chủ trì đối với các nội dung dự án liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương.

5. Trách nhiệm của nhà đầu tư hạ tầng:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

b) Lập báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; lập, quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp.

c) Hoàn thiện các hồ sơ pháp lý về đầu tư, đất đai, xây dựng trước khi triển khai thực hiện dự án.

d) Đầu tư xây dựng, đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

đ) Quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, bảo dưỡng và đảm bảo hoạt động thường xuyên của hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung và tổ chức cung cấp các dịch vụ, tiện ích trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

e) Xúc tiến đầu tư, hướng dẫn thủ tục triển khai các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất di dời vào cụm công nghiệp; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thứ cấp sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

g) Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 3, Điều 52, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

h) Xây dựng giá các loại dịch vụ công cộng, giá sử dụng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đảm bảo phù hợp với mức phí, giá các dịch vụ tương ứng ngoài hàng rào cụm công nghiệp.

i) Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

2. Đơn vị chủ trì:

a) Nhà đầu tư hạ tầng có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trên cơ sở ý kiến của nhà đầu tư thứ cấp không trái quy định của pháp luật. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích, nhà đầu tư hạ tầng có trách nhiệm gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, quản lý.

b) Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ và nhà đầu tư hạ tầng. Trường hợp không thỏa thuận được, nhà đầu tư hạ tầng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Đơn vị phối hợp: Nhà đầu tư thứ cấp sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp phải đúng mục đích, có trách nhiệm bảo vệ các công trình công cộng theo Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích của nhà đầu tư hạ tầng; thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Các nội dung về hoạt động sản xuất kinh doanh cần quản lý: Tình hình hoạt động dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp; tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc doanh nghiệp làm chủ đầu tư); tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện; tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh.

2. Trách nhiệm của các cơ quan:

a) Sở Công Thương: Là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý dự án của các tổ chức, cơ quan liên quan; theo dõi, cập nhật, phát hiện những sai sót, yếu kém về quản lý các dự án theo quy định của pháp luật; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý những vướng mắc, phát sinh, việc làm sai quy định trong quá trình thực hiện dự án; chỉ đạo, hướng dẫn cấp huyện xây dựng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong các cụm

công nghiệp theo quy định của ngành y tế; tổng hợp về tình hình chung của các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; báo cáo định kỳ, đột xuất với Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát về tình hình quản lý môi trường, sử dụng đất, tài nguyên nước; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố về môi trường; xử lý theo thẩm quyền và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường, đất đai.

c) Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát, xử lý các hành vi vi phạm trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền trách nhiệm của Sở Xây dựng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; xử lý theo thẩm quyền và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực đầu tư.

đ) Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng xây dựng, triển khai các kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự, an ninh kinh tế, an ninh chính trị nội bộ và phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm; tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho doanh nghiệp, người lao động về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của pháp luật về an ninh trật tự. Chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện đấu tranh với các âm mưu phương thức thủ đoạn của các thế lực thù địch và hoạt động của các loại tội phạm. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, xử lý các vi phạm trong chấp hành các quy định pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài và các nội dung liên quan. Tham mưu hướng dẫn công tác phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phối hợp đào tạo, tập huấn, nâng cao nghiệp vụ về công tác bảo vệ, công tác phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ cho doanh nghiệp.

e) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quản lý trực tiếp đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch chi tiết, xây dựng, sử dụng đất, bảo vệ môi trường, quá trình đầu tư xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án trong cụm công nghiệp; xử lý theo thẩm quyền những hành vi vi phạm của nhà đầu tư thứ cấp trên địa bàn và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định trong trường hợp vượt thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết tình trạng đình công, lãn công; an toàn vệ sinh thực phẩm; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và các cơ quan có liên quan; phối hợp với Công an tỉnh bảo đảm an ninh, trật tự trong các cụm công nghiệp trên địa bàn; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố về môi trường; tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

g) Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 15. Chế độ báo cáo

Các đối tượng phải báo cáo thực hiện nghiêm chế độ báo cáo quy định tại Điều 9, Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương.

a) Định kỳ trước ngày 20/6 và 20/12 hàng năm, nhà đầu tư thứ cấp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.1, Phụ lục I, Thông tư số 28/2020/TT-BCT gửi Chi cục Thống kê, Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện, Phòng Kinh tế thành phố.

b) Định kỳ trước ngày 20/6 và 20/12 hàng năm, nhà đầu tư hạ tầng báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.2, Phụ lục I, Thông tư số 28/2020/TT-BCT gửi Chi cục Thống kê cấp huyện và sao gửi Phòng Kinh tế và hạ tầng đối với cụm công nghiệp trên địa bàn huyện, Phòng Kinh tế đối với cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

c) Định kỳ trước ngày 25/6 và 25/12 hàng năm, Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện, Phòng Kinh tế thành phố báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.3, Phụ lục I, Thông tư số 28/2020/TT-BCT, gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Định kỳ trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm, Sở Công Thương báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.4, Phụ lục I, Thông tư số 28/2020/TT-BCT, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

Điều 16. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra: Các sở, ngành và đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với nhà đầu tư hạ tầng và nhà đầu tư thứ cấp gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo nguyên tắc không quá một lần trong một năm, trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. Định kỳ hàng năm các sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra đối với nhà đầu tư hạ tầng, nhà đầu tư thứ cấp về Thanh tra tỉnh; đồng thời gửi Sở Công Thương một bản để theo dõi, tổng hợp.

Chương III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 17. Khen thưởng, xử lý vi phạm**

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy chế này được khen thưởng theo quy định; các trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Đối với dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp bằng vốn ngân sách nhà nước, ngoài các quy định tại Quy chế này, chủ đầu tư hạ tầng phải thực hiện các quy định theo Luật Đầu tư công.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về các nội dung liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước trong cụm công nghiệp; phân công nhiệm vụ quản lý cụm công nghiệp cho các phòng, đơn vị liên quan theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Ngoài trách nhiệm, quyền hạn trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

